

TÙNG TƯỚNG NHẬP TÁNH

(HT. Lê Văn Thêm)

Ngoài hạnh môn tịnh tâm nhằm đi đến pháp môn Tôn Tâm Luyện Tánh hay Tu Tâm Dưỡng Tánh để Phối Thiên cũng như Minh Tâm Kiến Tánh để đạt quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đạo Cao Đài còn có một bí pháp giải thoát được gọi là Bí Pháp Dâng Tam Bửu. Vậy Bí Pháp Dâng Tam Bửu là gì ?

Theo như lời thuyết giảng của Đức Hộ Pháp tại Đền Thánh kể từ đầu tháng tư đến cuối tháng mười năm Kỷ Sửu (1949) căn cứ vào lời dạy của Đức Chí Tôn thì dâng Tam Bửu có nghĩa là dâng cả xác thân của mình. Xác thân nói đây được Đức Hộ Pháp giải nghĩa là Tam Thể Thân, gồm nhục thân mà trong đó còn có Chơn Thần và Chơn Linh.

* * *

Để thấu rõ tận tường hơn ý nghĩa của bí pháp dâng hiến thân, tức dâng Tam Bửu để giải thoát, xin trước tiên được ghi lại lời dạy sau đây của Đức Hộ Pháp. Ngài dạy sau khi dâng hoa để cúng Đức Chí Tôn thì mỗi tín đồ phải cầu nguyện hiến dâng như sau: “*Con xin dâng mảnh hình hài của con cho Đức Chí Tôn dùng phương nào thì dùng.*” Rồi kế tiếp theo đó, sau khi dâng rượu thì nguyện niệm: “*Con xin dâng cả trí thức tinh thần của con cho Đức Chí Tôn dùng phương nào thì dùng.*” Cuối cùng sau khi dâng trà thì nguyện:

“*Con xin dâng cả linh hồn của con cho Đức Chí Tôn dùng phương nào thì dùng. Cả linh hồn, cả trí não, cả hình hài con Thầy đào tạo, đó là của Thầy thì do nơi quyền hành của Thầy định*»¹

Việc hiến dâng như vừa nói trên đây gọi là Dâng Tam Bửu, mà theo như lời dạy của Đức Hộ Pháp thì Dâng Tam Bửu là một bí pháp giải thoát.

* * *

Đến đây một câu hỏi cần được đặt ra, đó là làm thế nào mà sau khi dâng hiến tam thể thân rồi thì người tu có thể giải thoát được? Trong tam thể thân này có đệ nhất xác thân hiển lộ, đó là xác thân do đất, nước, gió, lửa hay âm dương ngũ hành tạo thành, nó hoàn toàn hữu lậu và bất tịnh. Vậy thì việc hiến dâng nó có thuận tiện và có nên hay không?

Để trả lời câu hỏi trên, xin trước tiên được xét qua ý nghĩa của xác thân cùng với việc dâng hiến.

I. Ý NGHĨA XÁC THÂN DÂNG HIẾN

1- Ý nghĩa xác thân trong Phương Châm Hành Đạo của Đức Quyền Giáo Tông.

Trong quyển Phương Châm Hành Đạo dùng để dạy tín đồ cũng như chức sắc chức việc nên nhẫm nại, nhịn nhục khi đi hành đạo, Đức Quyền Giáo Tông có kể lại câu chuyện của Ngài Phú Lôu

1- *Bí Pháp: Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp- Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ-Tòa Thánh Tây Ninh-NXB Mekong Printing-1998 CA-USA (Trang 89-90).*

Na, một đại đệ tử của Đức Phật Thích Ca như sau:

Một hôm ngài Phú Lô Na trình xin Đức Phật cho Ngài đến hành đạo tại một địa phương nọ. Đây là nơi mà người dân rất hung dữ và không ai dám đến truyền đạo cả. Đức Phật hỏi rằng:

“Nếu truyền giáo mà người ta không nghe, còn trở lại mắng nhiếc thì hiền đồ liệu sao?”

-Thưa: “Nếu ai mắng nhiếc, thì đệ tử chắc rằng người ấy còn là người tốt, vì họ không đánh đập.”

-Hỏi: “Nếu họ đánh đập hiền đồ thì liệu sao?”

-Thưa: “Đệ tử cũng cho họ là lành tốt, vì họ chỉ đánh đập chỗ chưa hề đâm chém.”

-Hỏi: “Nếu họ đâm chém thì hiền đồ liệu sao?”

-Thưa: “Đệ tử cũng cho họ là lành tốt vì họ không đành lòng chém đệ tử đến chết.”

-Hỏi: “Nếu họ chém chết mới liệu sao?”

-Thưa: “Đệ tử sẽ cho họ là người ơn vì nhờ họ đệ tử khỏi đau đớn mà thoát được cái xác thịt hôi thúi tù túng này.”²

Tóm lại, với lời nói sau cùng của Ngài Phú Lô Na thì cái nhục thân của mỗi con người nó hoàn toàn bất tịnh. *Nó là một xác thịt hôi thúi tù túng.*

Như vậy, thử hỏi với cái xác thân bất tịnh này của ta mà dâng lên Đức Chí Tôn để làm gì? Làm như vậy là ta có lỗi và có tội không?

Trước khi trả lời câu hỏi này, xin được trình bày qua quan niệm của Đức Phật Thích Ca về bản thân tức là xác thân nhục thể của mỗi con người.

2- Xác thân hay báo thân với Đức Phật Thích Ca.

1- Trong thời gian ngồi thiền dưới cội cây bồ đề và sắp thành đạo, Đức Phật Thích Ca có bị ma vương đến phá. Các ma nữ ăn mặc hở hang đến trước mặt Ngài ca hát nhảy múa với những vũ điệu khêu gợi dục tình. Dụng ý của chúng là khơi dậy lòng ham muốn của Ngài.

Sở dĩ chúng làm như vậy vì chúng sợ rằng một khi Ngài thành đạo rồi thì Ngài sẽ trừng trị chúng. Chính vì thế mà chúng muốn Ngài không thể đạt được đạo. Mặc dù bị ma vương cố tình cám dỗ nhưng Đức Phật Thích Ca vẫn giữ được tâm an nhiên thanh tịnh. Ngài nói với đám ma nữ rằng:

“ Các đẫy da hôi thúi kia, hãy đi đi, ta không có dùng.”

Lời nói của Đức Phật cho thấy Ngài không dùng, tức không xử dụng các đẫy da hôi thúi kia. Nói rõ hơn là *Ngài xem phàm thân nhục thể này như là cái đẫy da hôi thúi, và đó là một sự thật mà con người, nhất là người tu, nếu còn tham đắm thì không làm sao đạt đạo được.*

2- Phương châm Hành Đạo, Thượng Đầu Sư Lê Văn Trung in chung trong quyển Chính Trị Đạo của Khai Pháp Trần Duy Nghĩa- Ban Thế Đạo Hải Ngoại tái bản năm 2003 tại Hoa Kỳ, Trang 123.

2- Sau khi đạt đạo và còn tại thế, có một hôm Đức Phật giảng cho các đệ tử nghe bài pháp “Quán Thân Bất Tịnh.” Giảng xong, Ngài cho tất cả các tỳ kheo biết là Ngài phải an cư một thời gian ba tháng, không tiếp xúc với bất cứ một ai, ngoài người thị giả.

Ba tháng an cư xong, Ngài trở ra và đến thăm lại các tỳ kheo đồ đệ của Ngài. Ngài thấy sao họ còn ít quá, vắng mặt rất nhiều. Lấy làm lạ Ngài hỏi lý do và ngài được Ngài A Nan cho biết rằng sau khi nghe Phật giảng về Thân Bất Tịnh, các Tỳ Kheo thấy gớm quá, gớm đến nỗi không còn chịu đựng nổi với thân nhơ nhớp của mình nên đã tự tử hoặc nhờ người khác giết mình cho chết để không còn nhìn thấy, cũng như không còn sống với phàm thân nhục thể nhơ nhớp này nữa. ³

Tóm lại, qua hai câu chuyện liên quan đến Đức Phật Thích Ca và với lời dạy của Đức Quyền Giáo Tông Đạo Cao Đài thì đệ nhất xác thân tức phàm thân nhục thể của mỗi con người, nó hoàn toàn hữu lậu và bất tịnh.

Sự hữu lậu và bất tịnh của nhục thân rõ ràng đã được Đức Qu. Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ chỉ rõ qua quyển sách Phương Châm Hành Đạo và Đức Phật xác nhận qua những lời Ngài nói với ma nữ lúc Ngài ngồi thiền sắp đắc đạo, cũng như khi Ngài dạy chúng tỳ kheo đệ tử của Ngài.

Như vậy, thân này không chắc chắn và hoàn toàn bất tịnh. Thế nhưng vì lý do gì mà Đức Hộ Pháp bảo phải dâng nó cho Đức Chí Tôn để Ngài dùng phương nào thì dùng? Có lý do nào để Đức Hộ Pháp dạy tín đồ như vậy. Tại sao Ngài lại nói việc dâng hiến xác thân lại là một bí pháp để đoạt cơ giải thoát.

Để giải tỏa những thắc mắc được nêu ra qua hai điểm 1 và 2, xin quán xét lại xác thân qua giáo lý của đạo Cao Đài, cũng như qua cách nhìn, cách thấy của Đức Hộ Pháp.

3- Dâng hiến xác thân theo giáo lý của Đạo Cao Đài và qua lời dạy của Đức Hộ Pháp:

1- Thứ nhất theo giáo lý của đạo Cao Đài, rõ nhất trong phần giảng cơ dạy đạo của Đức Cao Thượng Phẩm, thì tiếng gọi xác thân là gồm cả nhục thân và Chơn Thân, Chơn Linh cộng lại, chứ không phải chỉ vốn vẹn có phàm thân nhục thể mà thôi. (Đàn cơ ngày 5 tháng 8 Canh Dần 1950).

2- Thứ hai theo lời dạy của Đức Hộ Pháp thì Ngài bảo rằng trong xác thân của mỗi một con người, không những nó chỉ là nhục thể không thôi, mà còn có cả trí não và linh hồn. Ngài nói:

“Bần đạo thuyết minh rằng: con thú này (tức xác thân) có ông Trời ở trong, ở đồng sống với nó.

“ Chúng ta ngó thấy trong mình chúng ta có THẦN có THỨ, vì ở cho nên triết lý Thất Tình định duy chủ, *muốn làm Phật thì làm, muốn làm Thú thì làm*, bởi nó định theo tình dục của nó.”

Nói rõ hơn, theo lời dạy của Đức Hộ Pháp thì trong nhục thân bất tịnh của mỗi một con người, còn gồm có thanh tịnh thân, an lạc thân, giác ngộ thân, niết bàn thân, Thánh Hiền thân hay Phật thân. Chính vì thế nên không thể tách rời cái thân này mà có Thánh Hiền thân hay Phật thân được. Nói khác hơn là muốn làm hiển lộ Phật thân thì trước tiên phải căn cứ vào cái xác thân

3- Theo gót chân Bụt- Đường Xưa Mây Trắng-Thích Nhất Hạnh- NXB Lá Bối, CA-USA 1999, (Trang 378).

này, tức xác thân này là nơi xuất phát để đạt đến giác ngộ, để trở về với Chơn Tâm, Phật Tánh, Pháp Thân hay Pháp Tánh Chơn Linh.

a- CHỨNG MINH

Lời dạy nêu trên của Đức Hộ Pháp hoàn toàn được chứng minh qua những gì mà Đức Phật Thích Ca trong hơn hai ngàn năm đã lưu lại.

Thật vậy, khi Đức Phật Thích Ca còn tại thế, có một hôm Ngài nói với đại chúng trong đó có ngài A Nan rằng: “Thân các ông và thân Như Lai không khác gì hết, mà thân của ông gọi là thân vô minh trước ác, còn thân Như Lai gọi là pháp thân thanh tịnh.”

Ngoài ra, trong kinh Như Lai Viên Giác, Đức Phật Thích Ca cũng có nói rằng thân này là huyễn, thân này không thật, nhưng trong cái không thật ấy lại có cái thật cần được bảo vệ và làm hiển lộ, đó là thân thật, tức Phật thân mà ngài Vĩnh Gia Huyền Giác tóm lược bằng câu nói “*Huyễn hóa vô thân tức Pháp thân*.” nghĩa là thân huyễn hóa bất tịnh này có cũng như không có. Dù vậy, phải luôn luôn nhớ rằng cái thân huyễn hóa bất tịnh ấy cũng chính là Phật thân đó vậy.

Tóm lại, khi nói về thân của mỗi con người thì nó gồm có xác thân hay báo thân, ứng thân hay hóa thân, và Pháp thân hay Phật Thân như nói theo đạo Phật. Còn với đạo Cao Đài thì nó gồm có xác thân, chơn thần và chơn linh hay nhục thân, trí não và linh hồn. Cả hai tôn giáo không khác nhau ở chỗ thấy được tam thể thân, nhưng có khác nhau trong tiếng gọi.

Cũng giống như tiếng gọi có khác mà từ cái tam thể thân này, mỗi người ở một góc độ khác nhau, ở mỗi hoàn cảnh, không gian và thời gian khác nhau, cũng như với những nhu cầu khác nhau nên thấy thân có khác. Có người thấy nó như nhớp bất tịnh. Có người thấy nó thanh tịnh, an lạc, giác ngộ, thánh thiện, v. . . . Mỗi cách thấy của mỗi người là căn cứ vào căn phần, công tu trì, hay mục tiêu mà người ấy muốn nói hay muốn thấy, tức cái chân lý mà mỗi người tựa vào.

Nói về chân lý thì có hai thứ chân lý. Một là chân lý thế gian gọi là Tục Đế. Hai là chân lý siêu xuất thế gian tức Chân Đế. Cái mà Đức Quyền Giáo Tông nói, đó là chân lý thế gian hay Tục đế, bày tỏ rõ ràng xác thân thế tục của mỗi con người là như nhớp bất tịnh. Còn cái mà Đức Hộ Pháp muốn chỉ, đó là chân lý xuất thế gian hay Chân đế, chỉ rõ trong thân bất tịnh còn có Chơn Thần và Chơn Linh, tức hóa thân hay pháp thân như nói theo đạo Phật.

Việc thấu rõ hai chân lý này - mà bản chất của cả hai là bổ túc cho nhau - sẽ giúp con người không còn chẻ chia phân biệt, không còn nói tốt nói xấu, nói cao nói thấp, nói phải nói quấy, nói thị nói phi, khen chê, thương ghét, v.v. để thấy rằng tất cả tuy hai mà là một, chẳng khác nào như Thiên Nhân của Đạo Cao Đài với “Nhân thị chủ tâm” bao gồm nhiều bí pháp và còn hàm chứa ý nghĩa Thiên Nhân Hợp Nhất tức Trời người là một không hai và chân tâm vọng tâm cũng chỉ là một mà thôi. Ý nghĩa “Một” đây được chứng minh qua câu kết “Thiên già, ngã dã” nghĩa là Trời cũng đó mà Ta cũng đó, tức Trời Người không hai mà chỉ là một, như Đức Hộ Pháp và Đức Phật Thích Ca đã dạy mà mục đích không gì khác hơn là để chỉ cho thấy Tướng và Tánh hay Tục đế và Chân đế cũng chẳng phải hai.

b. CHÂN ĐẾ VÀ TỤC ĐẾ

Đến đây, một lần nữa xin dùng hai vế của cùng một chân lý tối thượng để trình bày lời nói của

Đức Quyền Giáo Tông và của Đức Hộ Pháp tuy hai nhưng lại là một. Hai vế của chân lý tối thượng đó là Chân đế và Tục đế.

Chân đế và Tục đế tức là Nhị đế, cũng có nghĩa là hai chân lý mà trong đó Tục đế là chân lý thế gian và Chân đế là chân lý xuất thế gian.

Như vậy, với Đức Quyền Giáo Tông qua quyển Phương Châm Hành Đạo, Ngài mặc nhiên muốn mượn lời nói của Ông Phú Lô Na nhằm dạy về Tục đế qua việc chỉ thân bất tịnh để khuyến tu nghĩa là dùng nó để mà tu, để mà hành đạo, để mà phổ độ.

Còn Đức Hộ Pháp, Ngài muốn chỉ Pháp Thân hay Chơn Linh, đó là trí não, linh hồn, có sẵn trong xác thân, để người tu thấy rõ và liả bỏ nhục thể mà trở về với Pháp Thân hay Chơn Linh và đó là giải thoát. Đây là hai chân lý (Nhị Đế), mà cả hai chân lý này chỉ nhằm vào một chân lý tối thượng, đó là giải thoát hay đoạt cảnh giới Niết Bàn. Đây cũng là cách nói, cách gọi hai bề mặt của một đồng tiền, tức cả hai vẫn là một. Một đàng dùng thể pháp chỉ thẳng thân bất tịnh, để không còn bám víu nó, tham ái nó mà phải liả bỏ nó để lo tu đạt Đạo. Một đàng thì chỉ rõ trong thân bất tịnh ấy còn có Niết Bàn thân, Thánh Hiền thân, Phật thân, vậy thì nên mau hiển dăng xác thân, liả bỏ xác thân để trở về với Chân thân là thân Phật, tức đạt bí pháp giải thoát.

Tóm lại, lời dạy của Đức Quyền Giáo Tông và của Đức Hộ Pháp tuy hai nhưng là một. Một muốn chỉ Tục đế là thân bất tịnh vô thường và vì nó vô thường nên nó sinh diệt, do đó phải có can đảm tức có dũng (bi, trí, dũng) để rời xa nó.

Thứ hai, rời xa nó cũng có nghĩa là phải biết buông bỏ nó, hiển dăng nó để nhờ nó và dùng nó mà lo phổ độ như lời dạy của Đức Hộ Pháp: “*Con xin dăng mãnh hình hài của con cho Đức Chí Tôn dùng phương nào thì dùng.*” Như vậy, có hiển dăng nó sau khi thấy nó sinh diệt, nghĩa là chắc chắn nó sẽ trở về không, đó là cái thấy chân đế, bằng trí tuệ Vô Đối tức trí tuệ Bát Nhã mà Đức Hộ Pháp bảo làm nhưng Ngài không nói hết được, lý do vì bởi có những khó khăn qua ngôn ngữ.

II. KHÓ KHĂN TRONG BÍ PHÁP DÂNG TAM BỬU GIẢI THOÁT

Trong quyển Bí Pháp dạy về dăng Tam Bửu để giải thoát, Đức Hộ Pháp có nói rằng: “*Có một điều Bần Đạo khuyên đừng có bơ bơ nữa, điều khó khăn phải để tinh thần trí não tìm hiểu cho lắm, khó lắm, phải rán học mới có thể đoạt pháp đặng*”⁴

Qua lời dạy trên đây, Đức Hộ Pháp bảo toàn thể con em của Đức Ngài “*đừng có bơ bơ nữa*” nghĩa là phải có sự quan tâm chú ý đặc biệt, chớ đừng coi bí pháp dăng Tam Bửu là một việc tầm thường, hễ cứ niệm hiển dăng xong là giải thoát. Không phải vậy đâu, để đạt Đạo, các con em của Đức Ngài cần phải *để tinh thần trí não tìm hiểu cho lắm*”, vì vấn đề đạt Đạo rất khó khăn, “*khó lắm*”, *phải rán học mới có thể đoạt pháp đặng*.

Nói khác hơn, lời dạy Đức Ngài cho thấy Bí Pháp Dăng Tam Bửu Giải Thoát tưởng đâu là dễ, tưởng đâu cứ chấp tay lên trán niệm rồi lạy là xong, là giải thoát, nhưng thật ra có rất nhiều việc cần phải tìm hiểu cho thấu đáo tận tường, rồi phải rán tu, rán học cho đến nơi đến chốn và sau đó hành trì viên mãn mới mong có kết quả được.

4- *Thuyết giảng về Bí Pháp tại Đền Thánh đêm 05 tháng 04 Kỷ Sửu (1949).*

Thật vậy, nếu cứ niệm xong Bí Pháp Dâng Tam Bửu thì được giải thoát, vậy thử hỏi từ trước đến giờ, biết bao nhiêu vị chức sắc và tín đồ đã dâng Tam Bửu, thậm chí không biết bao nhiêu lần, dâng liên tục tháng này qua năm nọ, nhưng có giải thoát được chưa? Nếu chưa thì tại sao? Khó khăn trở ngại ở chỗ nào?

1- KHÓ KHĂN DO NGÔN NGỮ

Điều khó khăn thứ nhất khiến cho việc dâng Tam Bửu mà không giải thoát được là do nơi ngôn ngữ. Nói rõ hơn, ngôn ngữ không những gây khó khăn mà còn là một trở ngại cho việc giải thoát.

Thật vậy ngôn ngữ thế gian có ba đặc tính cản trở con đường giải thoát.

A- Đặc tính thứ nhất

Ngôn ngữ thế gian không phải là sự tướng, mà chỉ là biểu tượng của sự tướng.

Nói khác hơn, ngôn ngữ chỉ là một giả danh của sự thể vì nó không phải là sự thể, nghĩa là tên gọi đó chỉ biểu tượng cho sự thể chứ không phải bản thân thực tại của sự thể. Do đó, khi nguyện hay niệm hiến dâng thì chưa phải là một sự hiến dâng thật sự. Vì chỉ nguyện hay niệm hiến dâng mà chẳng hề có sự hiến dâng nên hậu quả đương nhiên là sự giải thoát không thể có được. Sự giải thoát chỉ thành tựu là khi nào có một chuỗi dài tiếp nối từ ngôn ngữ tức nguyện niệm đến thân và tâm trọn vẹn hiến dâng đầy đủ thì mới được.

B- Đặc tính thứ hai

Ngôn ngữ thế gian giả tạm và hữu lậu.

Thật vậy, ngôn ngữ vốn là biểu tượng của suy nghĩ, hay nói rõ hơn là hình thức của tư duy, mà tư duy thông thường bắt nguồn từ các giác quan.

Do giác quan có nhận cái gì ở trần cảnh bên ngoài nên mới ý thức đến cái đó. Thế rồi cái đó tạo ra ý kiến, suy nghĩ, đó gọi là tư duy. Nói khác hơn, tư duy là dùng các giác quan và ý thức phân biệt để phân biệt mọi sự vật với những hình tướng khác nhau để mà biết tức là nhận biết.

Vì tư duy có nguồn gốc từ các giác quan, mà các giác quan là hữu vi, hữu lậu, nên ngôn ngữ đến từ tư duy cũng không tránh khỏi hữu lậu.

Hữu lậu nói đây có nghĩa là còn nhuộm sắc trần, mà đối với con người thân phàm xác thịt thì cũng có nghĩa là vẫn còn phàm phu ô trược, vì thế ngôn ngữ chỉ là phương tiện để tìm tới Chân

Chính vì lý do này mà khi dùng ngôn ngữ để nguyện niệm dâng xác thân cho Thầy, rồi cho đó là xong, là đủ, là đoạt cơ giải thoát thì hoàn toàn sai.

Ngôn ngữ là ngôn ngữ còn giải thoát là giải thoát.

Nói dâng xác thân mà tâm mình có dâng thật hay không; hay miệng thì nói dâng mà tâm và thực tế lại không dâng. Nếu đúng là có dâng thì thân đâu còn là của mình nữa, như thế mới có thể nói như lời Đức Hộ Pháp đã bảo là “*con không biết nữa*”. Như vậy mới thật đúng theo lời nói của Đức Hộ Pháp, nghĩa là lời nói của Đức Hộ Pháp là đúng hoàn toàn đối với bất cứ tín đồ nào miệng niệm dâng và tâm thật sự cũng đã dâng. Đàng này, nếu trái lại, ngôn ngữ thì dâng

tức miệng niệm dăng nhưng tâm lại không dăng. Chính vì tâm không dăng nên sau khi cúng, tâm mới còn chạy theo xác thân trở ra ngoài đời để phân biệt tốt xấu, tranh đua hơn thua, phải quấy, khen chê, thương ghét rồi chấp nhứt, cãi cọ, gây gỗ giận hờn nhau. Đó là nói dăng mà chẳng có dăng gì cả. Chỉ là nói miệng thôi. Thế là chỉ có tu miệng chứ chẳng có tu tâm.

Muốn biết mình có thật dăng hay không thì sau khi cúng bái đàn xong rồi đi ra ngoài, nếu có ai chửi thì mình cũng bỏ qua không giận, ai nói mình ngu mình cũng cười, ai bảo mình khôn mình cũng không mừng, mình vẫn bình tâm, như vậy mới đúng là tâm mình thanh tịnh, tâm của Hiền, của Thánh, là tâm giải thoát. Tâm được thanh tịnh, trở thành tâm của Hiền Thánh là vì thân này mình đã hiến dâng trọn vẹn cho Thầy rồi, nghĩa là thân dù có nhưng cũng như không. Mình phải thấy nó là không vì nó vô thường, nó sẽ hư hoại và biến diệt, vậy thì nên buông bỏ nó chứ đừng bám víu nó làm gì. Hễ còn bám víu nó là hơn thua, thương ghét sẽ luôn luôn vẫn còn. Nhưng nếu biết buông bỏ nó, thấy nó là không, vì vô thường biến hoại, thì đâu còn là của mình nữa, cũng như Đức Hộ Pháp nói “*hễ dăng rồi thì còn gì của mình nữa*”. Có thật được như vậy, nghĩa là có làm đúng được như vậy, thì đó mới đúng theo lời dạy của Đức Hộ Pháp, và như vậy mới đoạt cơ giải thoát được.

Tóm lại, nếu muốn đoạt được cơ giải thoát thì khi dâng Tam Bửu xong với nguyện niệm dâng hiến xác thân, người tín đồ sau đó ra hậu điện hay trở về cuộc sống thế gian ngoài đời chớ nên nói tốt nói xấu, nói hay nói dở, nói cao nói thấp, nói đúng nói sai, nói thị nói phi, chớ nên khen chê, thương ghét, chẳng còn tham ái, mê đắm hay bám víu nữa. Như vậy mới thật sự là đã hiến dâng xác thân.

Dâng xác thân ngoài mục đích phụng sự vạn linh để đoạt bí pháp giải thoát về sau, lại còn là thế pháp trong hiện tại dạy mình phải tu sửa, mà quan trọng nhất và trước tiên nhất là phải tu thân.

Tu thân đây có nghĩa là phải có chánh kiến, chánh tư duy và chánh niệm về thân. Chánh kiến, chánh tư duy và chánh niệm đó hàm chứa sự thấu hiểu tận tường thân này là vay mượn, thân này là duyên hợp, thân này là vô thường. Nó chỉ là một giả tướng hư vọng, như mộng, như huyễn, như bọt, như bóng, như lần điện chớp, hữu hoàn vô, như vang của tiếng, như bóng của hình, nó chẳng trường tồn. Vậy thì đừng nên bám víu nó và phải biết buông bỏ, dâng hiến nó để phục vụ vạn linh. Có thấy được như vậy thì mới đạt được cơ giải thoát. Bằng trái lại, nếu cứ vọng niệm với ngôn ngữ giả tạm và hữu lậu thì không làm sao thấy được Niết Bàn, không làm sao có thể trở lại Bạch Ngọc Kinh được.

C- Đặc tính thứ ba:

Ngôn ngữ khoa học và toán học có giới hạn.

Ngày nay, ngôn ngữ thế gian tiêu biểu được ưa chuộng và được đặc biệt chú trọng, đó là ngôn ngữ khoa học hay toán học. Đây là loại ngôn ngữ thật chính xác, tỏ rõ, có thể dùng với những ký hiệu ước định. Vì chính xác và tỏ rõ nên lý luận của loại ngôn ngữ này trở thành tiêu biểu, dẫn từ tiền đề đã chấp nhận đến kết quả tất nhiên không thể chối cãi được.

Do tính cách chính xác, tỏ rõ với kết quả không thể chối cãi được nên hầu hết ai ai cũng đều ưa chuộng và dựa vào loại ngôn ngữ này để chứng minh hay kết luận những gì mà mình muốn nói, thậm chí cả nhiều vị lãnh đạo của một hai tông phái tôn giáo cũng muốn dựa vào loại ngôn ngữ

khoa học này để chứng minh rằng giáo lý của tôn giáo mình là khoa học chứ chẳng phải hoàn toàn do niềm tin, nếu không nói là mê tín.

Đây là một yêu cầu cần thiết và tất nhiên, không ngoài thành tâm thiện ý thỏa mãn nhu cầu phổ thông giáo lý, chẳng có gì phải thắc mắc cả.

Tuy nhiên, mặc dù ngôn ngữ hay lý luận khoa học rất tỏ rõ, hính xác, mặc dù ngày nay khoa học đã tiến rất xa, nhờ khoa học mà đời sống của con người và xã hội đã được cải thiện vượt bậc, chẳng hạn như ngày nay khoa học đã đi vào không gian để chinh phục vũ trụ, nhưng không ai biết được là trong tương lai khoa học sẽ tiến đến đâu. Duy chỉ có một điều mà người ta có thể biết chắc chắn, đó là có những lãnh vực mà khoa học chưa biết được, chưa đi đến được, chưa khám phá được, chưa chứng minh được, đó có phải chẳng là vì khoa học chỉ dùng ngôn ngữ thế gian mà loại ngôn ngữ này xuất phát từ tri thức, rõ nhất là tri thức thường nghiệm (experiments) tức nhiên đây là loại ngôn ngữ hiện tại còn có những giới hạn do đặc tính và vai trò của nó. Nó không làm sao diễn bày hết được những gì sâu kín hay lắng đọng trong lãnh vực tình cảm, tâm tư hay lòng tin mà như Pascal đã nói rất rõ là “ Dans le domaine des sentiments le langage est insuffisant” có nghĩa trong lãnh vực tình cảm cũng như lòng tin thì ngôn ngữ thế gian hoàn toàn thiếu sót, không đủ để diễn tả hết, tức ngôn ngữ thế gian hoàn toàn không thể diễn tả một cách khoa học hay toán học những trạng thái tâm linh, lòng tin hay tình cảm mà khoa học hay toán học chưa đi tới được và không nắm bắt được.

Khoa học hay toán học chỉ có thể liên hệ với, đến với thể tướng vô thường chứ chưa đủ khả năng khai thị, giải minh thật tướng, hay diễn đạt hết được thật tướng vô ngã, thật tướng phi tướng hay thực tại vô ngôn như Đạo chẳng hạn (Đạo bốn vô ngôn).

Đó là tại vì nó còn liên hệ đến yếu tố hay điều kiện thế gian, rõ nhất là ngôn ngữ thế gian, mà chính ngôn ngữ thế gian lại là một cản trở chánh yếu cho con đường giải thoát.

Thật vậy, nếu lời nguyện niệm dâng xác thân vẫn còn là một loại ngôn ngữ thế gian, vẫn còn hữu lậu, miệng thì niệm dâng mà tâm lại không dâng, vậy thì không làm sao giải thoát được.

Đây là lý do thứ nhất chỉ rõ ra tại vì sao mà biết bao nhiêu lần, biết bao nhiêu tháng này đến năm nọ người tín đồ cứ niệm dâng Tam Bửu để giải thoát mà vẫn chưa giải thoát.

Tóm lại, nguyện niệm hiến dâng Tam Bửu với ngôn ngữ và tâm hạnh thế gian thì không làm sao giải thoát được. Đó là nguyện niệm chỉ để tập nguyện niệm vậy thôi, chứ *muốn nguyện niệm để giải thoát thì còn “cần phải rán học mới đoạt pháp đặng”* như lời Đức Hộ Pháp đã dạy. Ngài dặn tín đồ phải biết dùng ngôn ngữ thế gian để đến với văn huệ, tư huệ, tu huệ hầu trực nhận ngôn ngữ Kinh Luận có diệu lực truyền đạt để khai thị nhằm từng tướng nhập tánh. Nói rõ hơn, là nếu muốn đạt được Bí Pháp Giải Thoát thì trước tiên phải biết dâng hiến xác thân như thế nào mới đúng, nghĩa là phải từng tướng như thế nào mới có thể nhập tánh.

2- NGÔN NGỮ VÀ GIÁO PHÁP TÙNG TƯỚNG NHẬP TÁNH

Tùng tướng là tùy vào thân hiển lộ, nương theo Đời, theo ngôn ngữ trần thế, tức dựa vào Thế Pháp.

Nhập tánh là sở cậy vào tâm để thể nhập vào Đạo, nương theo Đạo để đoạt Bí Pháp.

Về tòng tướng nhập tánh, cũng như nương theo Thể Pháp để đạt Bí Pháp, Đức Hộ Pháp có dạy như sau: “*Phải biết Thể Pháp rồi mới thấu đáo được Bí Pháp. Thể Pháp của Đời và Bí Pháp của Đạo có liên quan mật thiết với nhau. Nếu làm biếng mà không nghe Đời thì không thể gì biết đến Đạo.*” Tức là phải thấu hiểu Thể Pháp rồi mới có thể đạt được Bí Pháp, cũng có nghĩa phải tòng tướng thì mới có thể nhập tánh được.

Nói khác hơn đó là phải nương vào Đời để đạt Đạo, phải nương vào Thể Pháp để đạt Bí Pháp tức nương vào ngôn ngữ thế gian thì mới có thể cảm nhận, thẩm thấu để trực nhận được ngôn ngữ xuất thế gian, một loại ngôn ngữ giải minh thật tướng đưa đến giải thoát.

Tóm lại, phải trước tiên sử dụng ngôn ngữ thế gian để nhờ đó thẩm thấu ngôn ngữ xuất thế gian, tức nương vào Thể Pháp để đạt Bí Pháp, nương vào Thân để nhập Tâm Hiền Thánh. Tổng quát lại, đó là giáo pháp tòng tướng nhập tánh mà Đức Hộ Pháp muốn dạy qua quyển Bí Pháp.

Lời dạy này của Đức Hộ Pháp đạo Cao Đài cũng không khác chi lời dạy của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, giáo chủ đạo Phật.

Đức Phật Thích Ca cũng dạy trước tiên phải dùng ngôn thuyết để diễn tả Tục đế. Việc phải dùng ngôn thuyết thế gian là chuyện chẳng đáng dừng đối với chúng sinh. Lý do vì chúng sinh có nhiều khác biệt. Có người căn cơ cao, có người căn cơ thấp. Như vậy, phải dùng ngôn từ, dù hữu lậu nhưng thích hợp với từng lớp chúng sinh, để chúng sinh nhờ đó thức tỉnh và lo tu hành.

Đây là dụng ngôn ngữ thế gian nhằm chỉ rõ Tục đế. Đó cũng là vì lòng thương chúng sinh mà nói – như lời Đức Phật đã dạy – chớ thật ra ngôn thuyết Tục đế không làm sao diễn tả được

Chân đế, vì Chân đế là Đạo mà Đạo vốn không lời (Đạo bốn vô ngôn), nghĩa là không có lời lẽ nào, ngôn ngữ nào diễn tả hết được Đạo cả, như Đức Lão Tử đã nói “Đạo khả đạo phi thường đạo” nghĩa là Đạo mà có thể diễn tả được thì đó không phải là Đạo nữa.

Chính vì không thể dùng ngôn thuyết để hiển bày Chân đế mà chỉ có thể lấy ngôn thuyết để diễn tả Tục đế nên Đức Phật Thích Ca sau 49 năm thuyết pháp mới nói “Ta thuyết pháp 49 năm mà không nói lời nào.”

Không nói lời nào là vì ngôn thuyết, tức ngôn ngữ thế gian, không làm sao hiển bày hết được Chân Lý là Đạo. Mặc dù vậy, qua 49 năm Phật vẫn dùng ngôn ngữ thế gian để diễn tả Tục đế, để chỉ dẫn và dạy dỗ chúng sinh lo tu hành.

Trường hợp Đức Phật Thích Ca nói trên cũng là trường hợp của Đức Hộ Pháp khi Đức Ngài thuyết về Bí Pháp giải thoát qua Bí Pháp Dâng Tam Bửu.

Trong Bí Pháp này, vì từ tâm đối với toàn thể nhơn sanh nên Đức Ngài mới trình bày Chân Đế Niết Bàn tức Bí Pháp Giải Thoát, đạt được qua Bí Pháp Dâng Tam Bửu. Nhưng thật ra Chân đế này thoát ra khỏi ngoài vòng ngôn ngữ đối đãi của thế gian, nghĩa là nếu dùng ngôn ngữ trần thế hữu lậu thì không làm sao nói ra hết được. Dù vậy Ngài vẫn nói, và do đó mà lời nói của Ngài vẫn còn quá cao siêu khó hiểu, vì lý do ngôn ngữ có những giới hạn của nó, do vai trò của ngôn ngữ là biểu tượng cho sự thể chớ không phải là bản chất của sự thể, và cũng không thể thay thế sự thể.

Sự thể là sự việc, sự tướng. Còn ngôn ngữ là danh là tên gọi. Hai thứ hoàn toàn khác nhau. Thí dụ như ngôn từ giải thoát hay ngôn từ Niết Bàn, đó chỉ là những tiếng gọi, những ngôn từ thôi chứ không phải là sự giải thoát thật sự, hay Niết Bàn thật sự.

Tóm lại, lời nói của Đức Hộ Pháp còn quá cao siêu, có thể nói là khó thể hiểu thấu hết được và vì thế mà khó thực hành viên mãn nếu người tín đồ chưa thấy cái khó và *KHÓ LẮM* như Đức Ngài đã nói cũng như chưa chịu để tinh thần và trí não tìm hiểu tận tường như Ngài đã dạy.

Sự trình bày cái “khó lắm” trong Bí Pháp Dâng Tam Bửu để giải thoát nhằm mục đích giải thích rằng việc diễn giải kinh điển hay lời dạy của các bậc Thánh hoặc Phật thật ra rất khó khăn. Cần phải dựa vào căn cơ, cũng như cần phải tựa nương vào Tam Huệ học và Tam Vô Lậu học, đó cũng là một điều rất khó. Nhưng nếu không thể như vậy thì có thể rơi vào tình trạng “Y kinh giải nghĩa tam thế Phật oan”.

Y kinh giải nghĩa tam thế Phật oan là như thế nào?

Tức là giải nghĩa Kinh hoặc lời dạy của Thánh hay Phật mà cứ dựa theo nghĩa đen hay căn cứ vào sự hiểu biết trên bề mặt của ngôn từ thì “oan cho Phật lắm,” có nghĩa là không thể nào lột hết ý nghĩa được. Trái lại, phải xem kinh hoặc lời dạy của Thánh hay Phật như là những lời chỉ dẫn rồi từ đó phải tịnh tâm hầu đạt định mở đường cho huệ chiếu thì mới mong nắm bắt được những giá trị nội dung, tức Chân lý ẩn tàng, dù là vấn tắt đã được gói ghém qua thông điệp của Thánh hay Phật.

Nói rõ hơn, trên phương diện tâm thức hay trong kinh luận, ngôn ngữ không có khả năng diễn đạt tỏ rõ đầy đủ hết được. Ngôn ngữ chỉ có khả năng chỉ dẫn. Đây là sự khác biệt giữa ngôn ngữ khoa học và ngôn ngữ kinh luận. Ngôn ngữ của khoa học hay toán học dùng để *diễn đạt*, còn ngôn ngữ kinh luận là dùng để *truyền đạt* bằng cách chỉ dẫn mà thôi.

Sở dĩ phải lặp lại những khó khăn mà như Đức Hộ Pháp đã nói “khó lắm”, cũng như vai trò ngôn ngữ với những giới hạn của nó, là để trình bày rằng lời nói của Đức Hộ Pháp chính là lời nói của một đức Phật. Phật có nói mà như không nói, vì với ngôn ngữ thế gian thì không thể nói hết được Chân Lý Tuyệt Đối là giải thoát. Phật chỉ có thể chỉ có thấy con đường đó thôi rồi như sanh mỗi người tùy căn cơ mà thấu hiểu mà lần bước đi theo. Như vậy, nếu cứ hiểu những gì Đức Hộ Pháp nói dựa trên bề mặt của ngôn ngữ, hay căn cứ vào nghĩa đen thì khó thể hiểu thấu nổi và không làm sao hiểu hết được.

Làm sao có thể hiểu được khi một nhơn sanh nào đó còn rất phàm phu, vẫn còn vướng mắc trong vòng tam độc tham, sân, si, còn ham ăn, ham nói, ham cả sắc dục, không ngần ngại rượu chè cũng như nói láo, nói thêu dệt, nói đâm thọc, nói lời độc ác v.v. , thế rồi khi vào cúng Tứ Thời và dâng Tam Bửu, niệm dâng xác thân này cho Đức Chí Tôn thì được hoàn toàn giải thoát ? Mà dù có giải thoát ngay được như người ta thường nói “buông đồ đao thành Phật”, nhưng nhơn sanh đó có thật sự buông đồ đao chưa, và dù có buông rồi nhưng nếu muốn thành Phật thì phải còn một vế phụ nữa, tức một điều kiện phụ nữa mới thành Phật được, đó là kể từ lúc đó tâm mình phải hoàn toàn liên tục là tâm Phật thì mới là Phật được. Trái lại, nếu sau thời cúng tức sau khi Dâng Tam Bửu và nguyện niệm dâng xác thân xong rồi ra ngoài, người niệm lại trở về với nếp sống phàm phu thì như vậy có giải thoát được không? Chắc chắn là không.

Nói rõ hơn, “được” hay “không” chỉ là hai danh từ. Nói ra thì rất dễ nhưng thực tế thì rất khó. Lý do là Danh và Sự hoàn toàn khác nhau. Danh ngôn không phải là sự thể. Nguyên niệm để giải thoát chỉ là một loại ngôn ngữ chớ chưa hẳn là việc giải thoát thật sự. Cái khó là ở chỗ này. Như vậy, phải làm sao để vượt qua cái khó khăn đó.

Để trả lời câu hỏi này, xin được một lần nữa lặp lại lời dạy của Đức Hộ Pháp, dù rằng có thể nhiều vị bảo rằng trùng điệp nhưng thật sự rất cần thiết. Đức Ngài nói:

“Điều khó khăn phải để tinh thần trí não tìm hiểu cho lắm, khó lắm, phải ráng học mới có thể đoạt pháp đăng.”

Như vậy, chính Đức Hộ Pháp đã nói muốn được giải thoát là điều rất khó và khuyên con em Ngài “đừng có bơ bơ nữa” mà phải ráng học.

Vì biết có nhiều khó khăn cần phải học hỏi, cần phải vượt qua mới có thể giải thoát được nên Đức Ngài đã liên tục gần cả trọn năm bỏ ra không biết bao nhiêu thì giờ công sức thuyết giảng liên tục nhiều lần nhằm làm ngọn đuốc chỉ đường cho nhơn sanh đoạt Đạo. Ngài đã dạy từ Đời đến Đạo, từ Sống đến Linh, từ Thể Pháp đến Bí Pháp, từ Tục Đế đến Chân Đế để dẫn dắt nhơn sanh dụng Bí Pháp Dâng Tam Bửu lập thành Bí Pháp giải thoát thật sự.

III. KẾT LUẬN

-Mặc dù biết rằng ngôn ngữ có những giới hạn, vì ngôn ngữ không phải là sự thể, và cũng không có khả năng thay thế sự thể.

-Mặc dù về phương diện tâm linh, ngôn ngữ chỉ có vai trò chỉ dẫn, như Đức Phật Thích Ca dùng ngón tay để chỉ mặt trăng vậy.

-Mặc dù biết rõ như thế nhưng Đức Hộ Pháp vẫn cố thuyết giảng để nói ra càng nhiều càng tốt, chỉ ra càng rõ những gì nhơn sanh cần làm thì càng hay, càng có lợi cho nhơn sanh.

Đây là lý do mà Đức Quyền Giáo Tông trước, Đức Hộ Pháp sau, hai Ngài đã cố công chỉ ra con đường cho nhơn sanh nương theo đó mà đạt Đạo.

Nói khác hơn, Đức Hộ Pháp và Đức Quyền Giáo Tông, hai vị khai sáng của đạo Cao Đài, mỗi vị một cách, mỗi vị một vai trò, đã chỉ dạy tín đồ giáo pháp từng tướng nhập tánh để đạt cơ giải thoát.

Nói từng tướng vì Đức Quyền Giáo Tông đã dựa vào thân, vào tướng để chỉ cho mọi người thấy rằng muốn hiểu rõ và sau đó đạt được cơ giải thoát thì trước tiên người tu phải trọn vẹn hành được hạnh “dâng hiến xác thân”

Nếu đã hiến dâng xác thân rồi thì xác thân này đâu còn của mình nữa. Đây là trường hợp của tiền thân Đức Phật Thích Ca khi tu hạnh Bồ Tát đã bị vua Ca Lợi đâm mắt, xẻo tai, cắt mũi, chặt cả chân tay mà vẫn không hề oán hận.⁵ Như vậy, nếu có ai chửi, có ai đánh, có ai giết – như trường hợp tiền thân của Phật Thích Ca hay Ngài Phú Lô Na – thì đó là chửi, đánh, giết cái xác thân mà tâm mình đã hoàn toàn trọn vẹn hiến dâng. “Nó đâu còn là của mình nữa” như lời

5- Kinh Kim Cang giảng giải- Thích Thanh Từ- NXB TPHCM- 1995- (Trang 131)

Đức Hộ Pháp đã nói.

Trọn vẹn hiến dâng xác thân, như Đức Quyền Giáo Tông ẩn dụ qua câu chuyện ông Phú Lô Na, đó đúng là cách từng tướng. Từng tướng mà Đức Quyền Giáo Tông nói, đó là để nhập tánh theo như Đức Hộ Pháp đã dạy.

Với từng tướng, Đức Quyền Giáo Tông muốn nói về Tục Đế là thân, là tướng. Còn Đức Hộ Pháp thì lại dạy nhập tánh, là Phật tánh, là Thánh tâm, mà cũng là Thiên lý, tức muốn chỉ rõ Chân Đế, chỉ rõ cách trở về với quê xưa cảnh cũ của mình, với nguồn cội của mình là cõi Trời, là giải thoát, là Niết Bàn hay là Đạo.

Người tu nếu muốn đạt Đạo thì phải từng tướng để nhập tánh, cũng như muốn được giải thoát, Niết Bàn liền đến, Phật quả đắc thành thì Tục Đế và Chân Đế phải dung thông.

Nói Tục Đế và Chân Đế phải dung thông là với mục đích nhằm chỉ cho thấy chân lý, chỉ cho con người hiểu rõ chân lý để mà tu. Điều quan trọng là phải dung thông được cả hai, đó mới là chân lý. Chớ nếu không dung thông được cả hai thì hoàn toàn không đúng chân lý, hay không làm theo đúng chân lý.

Người không dung thông được cả hai tức còn mắc kẹt hai bên, nghĩa là còn phân chia nhị biên, nhị ngã, còn nói phải nói quấy, nói thương nói ghét, nói thấp nói cao, nói hay nói dở là người vẫn còn tâm phàm phu không làm sao giải thoát được.

Phải thấy rõ nhị biên, nhị ngã, tốt xấu, cao thấp, phải quấy, ghét thương tuy rằng hai mà chỉ là một. Chúng chẳng khác nào hai bề mặt của một đồng tiền mà Lão giáo đã chỉ rõ nơi chương 2 của quyển Đạo Đức Kinh, Khổng giáo đã nói rõ qua thuyết “Thiên Địa Vạn Vật đồng nhất thể”, và Kinh Phật giáo hằng ngày sám hối nhắc đi nhắc lại rằng cả hai tuy là hai mà một qua câu “Nhị đế dung thông tam muội ấn”.

Tất cả ba tôn giáo Nho, Thích, Lão với tinh túy giáo lý Đời Đạo, Người - Trời, Phàm phu - Phật, đã được diễn tả rõ trong giáo lý của đạo Cao Đài với Thiên Nhân bao hàm ý nghĩa chỉ một chỗ chẳng có hai, Trời cũng đó mà Ta cũng đó (Thiên giả, ngã dã)

Có hiểu rõ được giáo lý “Thiên Địa Vạn Vật đồng nhất thể” tức Trời Người không khác, Đời Đạo không hai của ba tôn giáo Phật, Lão, Nho, cộng với Cao Đài giáo lý “Thiên Nhân” hay “Dieu et Humanité” thì con người mới có thể tự nói là thấy được yếu chỉ “Dung Thông”, làm được việc từng tướng là nương vào thân xác phàm trần để nhập tánh tức để tu thành Thánh, thành Phật. ⁶

Dung thông có nghĩa là vậy, có nghĩa là thấy rõ Thánh tâm hoàn toàn ở trong thân xác phàm phu, cũng có nghĩa là Đời cũng là Đạo, phàm phu cũng là Phật, Tục Đế cũng là Chân Đế. Cả hai không ngăn ngại nhau mà lại tiếp nối nhau, hỗ trợ nhau, hòa quyện nhau với mục đích thăng hoa hay nhằm siêu thăng giải thoát.

Tóm lại, với giáo lý Nhị Đế dung thông cũng như giáo lý Từng Tướng Nhập Tánh của đạo Cao Đài, Phật Thánh muốn chỉ cho người tu thấy rõ cái lý của tướng và tâm, cái lý của Tục Đế và Chân Đế.

6- Xin xem “ Dieu et Humanité- Amour et Justice của cùng tác giả.

Cả hai tuy hai mà một như Đức Lão Tử đã nói trong Đạo Đức Kinh là hữu vô tương sinh, nan dị tương thành, trường đoản tương hình, cao hạ tương khuyh v.v. mà đạo Cao Đài đã ẩn tàng trong Thiên Nhân giáo lý cao siêu này của đạo Lão.

Ai thấy được hữu vô tương sinh, nan dị tương thành v.v. cũng như thấy rõ Chân đế ẩn tàng trong Thiên Nhân là thấy được diệu lý Nhị đế dung thông hay Tùng Tướng Nhập Tánh. Đó là con đường đi đến quả vị Phật hay quả vị giải thoát đã sẵn bày.

Vậy, muốn san bằng sự cách xa và khác biệt này cần phải làm gì và làm như thế nào cho trọn vẹn?

Để giải đáp câu hỏi vừa nêu, phần kế tiếp sau đây xin được trình bày những gì mà Đức Hộ Pháp đã dạy như sanh làm để đạt cơ giải thoát qua Bí Pháp Dâng Tam Bửu.

HT. Lê Văn Thêm

(Trích Chương I «Tùng Tướng Nhập Tánh» quyển «Bí Pháp Dâng Tam Bửu - Bí Pháp Giải Thoát» (Soạn giả: HT. Lê Văn Thêm), Ban Thế Đạo Hải Ngoại phát hành lần thứ nhất tại Hoa Kỳ năm 2013.